

Số: 02/2015/NQ-HĐND

Phước Long, ngày 20 tháng 01 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế,
xã hội năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2015

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG
KHÓA II - KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của HĐND năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về nhiệm vụ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về nhiệm vụ năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 03/01/2014 của Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long v/v thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội năm 2013, nhiệm vụ năm 2014;

Xét Báo cáo số 299/BC-UBND và Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân thị xã v/v đề nghị thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội năm 2014, nhiệm vụ năm 2015; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến của các vị đại biểu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân thị xã thống nhất đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội năm 2014 và nhiệm vụ năm 2015 với các mục tiêu, giải pháp nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân thị xã. Trong đó, nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2014:

Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, sự lãnh đạo của Thị ủy, cùng với sự nỗ lực của các cấp chính quyền, đoàn thể từ thị xã đến các xã, phường, đã góp phần giúp Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện tốt nhiệm vụ

phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2014; kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển nhanh, cơ sở hạ tầng thương mại - dịch vụ được tập trung đầu tư xây dựng; cơ cấu kinh tế phát triển đúng hướng; sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển; công tác quản lý điều hành quản lý ngân sách đúng quy định, đảm bảo thu vượt chỉ tiêu, chi đúng quy định, đúng dự toán; công tác vệ sinh môi trường, quản lý đô thị được tăng cường và có chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân ổn định. Lĩnh vực văn hóa xã hội tiếp tục phát triển, chất lượng giáo dục, y tế được nâng lên; Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì phát huy phục vụ nhân dân trên địa bàn. Công tác an sinh xã hội đã được các cơ quan, ban ngành đoàn thể, xã, phường phối hợp thực hiện tốt. Công tác quốc phòng, an ninh được đảm bảo, tổ chức giao quân đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định và giữ vững.

Bên cạnh đó, năm 2014 kinh tế xã hội thị xã Phước Long vẫn còn bị ảnh hưởng của suy giảm kinh tế của các năm trước, giá cả nông sản có loại tăng, có loại giảm, các doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, thu ngân sách, thu nợ đọng thuế gặp nhiều khó khăn, một số chỉ tiêu không đạt chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân thị xã đó là: Thu nợ đọng thuế, chi ngân sách, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, tỷ lệ sinh con thứ 3, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa. Công tác quản lý đô thị, quản lý xây dựng đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện, song vẫn còn hạn chế so với yêu cầu. Ủy ban nhân dân thị xã cần tập trung điều hành quyết liệt hơn nữa nhằm từng bước khắc phục những tồn tại, khó khăn nêu trên trong năm 2015.

2. Nhiệm vụ năm 2015:

2.1. Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2015.

a. Các chỉ tiêu về kinh tế:

- Tăng trưởng kinh tế đạt 11-12%;
- Tổng giá trị tăng thêm (VA) 2.010 tỷ đồng theo thực tế và 677 tỷ đồng theo giá cố định 1994.
- Thu nhập bình quân đầu người 38 - 40 triệu đồng/người/năm;
- Cơ cấu kinh tế: Nông lâm nghiệp 17%; Công nghiệp: 45%; Thương mại- dịch vụ và du lịch: 38%;
- Thu mới ngân sách: tăng từ 3%-5% so với dự toán tính giao.

b. Các chỉ tiêu về xã hội, môi trường.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 0,5%;
- Giảm tỷ suất sinh duy trì ở mức 0,7‰;
- Tỷ suất tăng dân số tự nhiên đạt 11,58‰;
- Số giường bệnh/vạn dân (không bao gồm giường trạm y tế) đạt 41 giường;
- Số bác sỹ/vạn dân là 7,3 bác sỹ;

- Tỷ lệ xã - phường đạt tiêu chí Quốc gia về y tế là 100% (7/7 xã phường);
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 62%;
- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 95%;
- Tỷ lệ học sinh THCS đi học đúng độ tuổi đạt 90%;
- Tỷ lệ khu dân cư văn hóa đạt 80%;
- Tỷ lệ gia đình đạt gia đình văn hóa đạt 95%;
- Tỷ lệ gia đình đạt gia đình thể thao đạt 30%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 29,5%;
- Giao quân đạt 100% kế hoạch trên giao về quân số, chất lượng đảm bảo yêu cầu;
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%;
- Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh (khu vực thành thị) đạt 100%.

3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện.

3.1. Lĩnh vực kinh tế sản xuất:

a. Về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giao thông vận tải: Thực hiện công tác kiểm tra các cơ sở sản xuất công nghiệp; tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở kinh doanh, các Trung tâm thương mại nhằm chống đầu cơ, gian lận thương mại góp phần bình ổn giá trên thị trường. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải nhằm đảm bảo an toàn giao thông, luân chuyển hàng hóa, hành khách thông suốt. Tăng cường kiểm tra các doanh nghiệp, cơ sở dịch vụ như xăng dầu, nhà hàng để hạn chế tình trạng tăng giá trái quy định.

b. Nông lâm nghiệp: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phòng trừ sâu bệnh trên các loại cây trồng, vật nuôi, phòng chống cháy rừng. Tăng cường công tác kiểm soát giết mổ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định. Tiếp tục triển khai thực hiện dự án 02 xã nông thôn mới: Long Giang và Phước Tín.

c. Công tác tài chính: Triển khai các giải pháp để thực hiện tốt công tác thu, chi ngân sách theo dự toán năm 2015. Tăng cường khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu ngân sách đặc biệt trong lĩnh vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh. Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án có thu tiền sử dụng đất. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra thuế và phối hợp giữa các cơ quan thu và các lực lượng chức năng trong công tác quản lý thu, chống thất thu và đặc biệt tập trung xử lý nợ đọng thuế. Kiểm tra ngân sách xã, phường.

d. Công tác xây dựng cơ bản: Triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2015 và giải ngân theo đúng kế hoạch. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng công trình. Tập trung chỉ đạo thực hiện dự án Trung tâm hành chính và Khu đô thị mới theo đúng tiến độ.

e. *Công tác quy hoạch*: Kiểm tra các công trình xây dựng cơ bản do Ủy ban nhân dân xã, phường làm chủ đầu tư. Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm về quản lý quy hoạch trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra xây dựng.

f. *Công tác Tài nguyên - Môi trường*: Thực hiện kịp thời công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cam kết bảo vệ môi trường cho các đơn vị, các hộ đủ điều kiện. Tăng cường công tác vệ sinh môi trường, chỉnh trang đô thị tạo cảnh quan đô thị xanh, sạch, đẹp. Giải quyết các khiếu nại trong lĩnh vực tài nguyên môi trường theo luật định. Tổ chức kiểm tra công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên nước và môi trường tại các xã, phường.

3.2. Lĩnh vực Văn hóa xã hội:

a. *Giáo dục và Đào tạo*: Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và chất lượng giáo dục giữa các vùng trong địa bàn thị xã; chú trọng đầu tư và thực hiện xã hội hóa xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu dạy và học của các trường. Tăng cường hoạt động thanh kiểm tra về dạy thêm, học thêm, quản lý hoạt động của nhóm trẻ gia đình, cơ sở tư thục; thu - chi quỹ Hội phụ huynh học sinh đảm bảo đúng quy định.

b. *Lao động thương binh- xã hội*: Đảm bảo thực hiện tốt chính sách cho các đối tượng người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo. Thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề, công tác chăm sóc bảo vệ trẻ em. Tiếp tục cấp hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và cấp tiền hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg. Tổ chức điều tra biến động về cung, cầu lao động năm 2015. Thực hiện công tác quản lý lao động việc làm trên địa bàn thị xã. Xây dựng kế hoạch để nâng tỷ lệ đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tăng cường công tác quản lý nghĩa trang liệt sỹ; Thực hiện quy hoạch nghĩa trang nhân dân trên địa bàn thị xã. Thành lập tổ kiểm tra liên ngành kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động, luật Bảo hiểm xã hội, luật Phòng cháy chữa cháy đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

c. *Y tế*: Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về y tế. Tăng cường công tác y tế dự phòng, ngăn chặn và dập dịch kịp thời, không để dịch lớn xảy ra; Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Kiểm tra, giám sát, tuyên truyền trong hoạt động hành nghề y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo đi vào nề nếp, chấp hành đúng pháp luật. Thực hiện có hiệu quả chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục về kế hoạch hóa gia đình với hình thức, nội dung phù hợp từng nhóm đối tượng. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao ý thức để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn và khu vực. Tăng cường chỉ đạo thực hiện 10 tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tăng cường công tác xã hội hóa ngành y tế. Thực hiện tốt công tác đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế.

d. *Văn hóa, thông tin*: Nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền. Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với phong trào phát triển văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và tuyên truyền xây dựng chương trình Quốc gia nông thôn mới, xây

dựng nếp sống văn minh đô thị, vệ sinh môi trường. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực văn hóa thông tin, đảm bảo hoạt động đúng quy định. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao trong năm. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện trong năm 2015. Tổ chức các giải quần vợt, bóng chuyền, đua xe đạp thể thao mở rộng chào mừng các ngày lễ lớn. Duy trì tổ chức và phát triển phong trào văn hóa văn nghệ quần chúng tại các xã, phường. Tăng cường công tác quản lý, đầu tư nâng cấp, tu bổ các di tích lịch sử trên địa bàn.

e. Dân tộc - Tôn giáo: Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách dân tộc và tôn giáo trên địa bàn. Tập trung rà soát toàn bộ đối tượng đồng bào dân tộc trên địa bàn, phân loại cụ thể từng đối tượng, qua đó sẽ xây dựng các chương trình đầu tư phù hợp để nâng cao đời sống cho đồng bào. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo trên địa bàn.

3.3. Lĩnh vực nội chính:

a. Nội vụ: Thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ công chức, viên chức, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; thực hiện tốt việc quản lý nhà nước về công tác thanh niên, tổ chức tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ cấp xã; Tăng cường công tác kiểm tra kỷ cương, kỷ luật hành chính theo Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 05/6/2013 của Thị ủy và Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 12/8/2013 của Ủy ban nhân dân thị xã. Kịp thời khen thưởng và nhân rộng điển hình các tập thể và cá nhân có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Tổ chức Đại hội thi đua yêu nước thị xã Phước Long lần thứ IV năm 2015 và Hội nghị điển hình tiên tiến các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

b. Quốc phòng, an ninh: Tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống mọi âm mưu của các thế lực thù địch. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Duy trì nghiêm chế độ trực, tuần tra canh gác tại địa bàn xã, phường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng và huấn luyện thường xuyên đội ngũ dân quân tự vệ, dân quân thường trực ở xã - phường, lực lượng dự bị động viên sẵn sàng chiến đấu. Tăng cường công tác quốc phòng toàn dân.

c. Thanh tra - Tiếp dân, Tư pháp: Thực hiện tốt công tác tiếp dân, tiếp nhận và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân. Thực hiện tốt công tác thanh kiểm tra trên lĩnh vực kinh tế xã hội. Tăng cường công tác thanh kiểm tra các lĩnh vực kinh tế, xã hội, phòng chống tham nhũng. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân; Thực hiện tốt công tác đăng ký và quản lý hộ tịch. Kiểm tra, rà soát bộ thủ tục hành chính trên địa bàn thị xã.

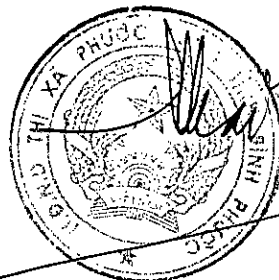
Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long khóa II, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 16 tháng 01 năm 2015 và có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh bầu ở thị xã;
- Sở Tư pháp;
- TT TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN thị xã;
- ĐB HĐND, TV UBND;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể;
- Trung tâm tin học – Công báo ;
- HĐND, UBND các xã - phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH *lla*



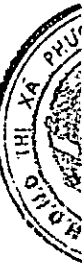
Nguyễn Hoàng Châu

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2015
THỊ XÃ PHƯỚC LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 02 /2015/NQ-HĐND ngày 20 / 01 /2015 của HĐND thị xã)

Biểu số 1

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2015
1	2	3	4
A	TRỒNG TRỌT (A+B)	HA	7.986,30
I	TỔNG DTGT CÂY HÀNG NĂM	HA	223,30
I.1	Cây lương thực	Ha	187,30
1	Diện tích cây lương thực có hạt	Ha	170,30
	<i>Diện tích lúa gieo trồng</i>	<i>Ha</i>	<i>154,30</i>
	<i>Sản Lượng</i>	<i>Tấn</i>	<i>613,34</i>
1,1	Lúa ruộng	Ha	154,30
	Năng suất	Tạ/ha	39,75
	Sản lượng	Tấn	613,34
1,2	Lúa nương	Ha	0,00
	Năng suất	Tạ/ha	0,00
	Sản lượng	Tấn	0,00
1,3	Bắp	Ha	16,00
	Năng suất	Tạ/ha	30,00
	Sản lượng	Tấn	48,00
2	Các loại cây chất bột	Ha	17,00
2,1	Khoai mì	Ha	17,00
	Năng suất	Tạ/ha	210,00
	Sản lượng	Tấn	357,00
I.2	Cây thực phẩm	Ha	32,00
1	Rau các loại	Ha	32,00
	Năng suất	Tạ/ha	69,76
	Sản lượng	Tấn	223,23
I.3	Cây thức ăn gia súc và cây HN khác	Ha	4,00
1	Cây thức ăn gia súc (cỏ)	Ha	4,00
2	Cây hàng năm khác	Ha	0,00
II	TỔNG DIỆN TÍCH CÂY LÂU NĂM	Ha	7.763,00
II.1	Diện tích cây công nghiệp lâu năm	Tạ/ ha	7.607,00
1	Cây điều		
	Tổng diện tích	Ha	5.244,00
	Diện tích trồng mới	Ha	
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	5.247,00



	Năng suất	Tạ/ha	13,35
	Sản lượng	Tấn	7.004,75
2	Cà phê		
	Tổng diện tích	Ha	328,00
	Diện tích trồng mới	Ha	
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	328,00
	Năng suất (nhân)	Tạ/ha	22,00
	Sản lượng	Tấn	721,60
3	Cây tiêu		0,00
	Tổng diện tích	Ha	64,00
	Diện tích trồng mới	Ha	2,00
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	55,00
	Năng suất	Tạ/ha	31,50
	Sản lượng	Tấn	173,25
4	Cao su		
	Tổng diện tích	Ha	1.961,00
	Diện tích trồng mới	Ha	0,00
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.750,00
	Năng suất	Tạ/ha	19,50
	Sản lượng (mủ khô)	Tấn	3.412,50
5	Ca cao	Tấn	
	Tổng diện tích	Ha	10,00
	Diện tích trồng mới	Ha	
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	10,00
	Năng suất	Tạ/ha	13,00
	Sản lượng	Tấn	13,00
II.2	Diện tích cây ăn trái lâu năm	Ha	156,00
1	Xoài		
	Tổng diện tích	Ha	10,00
	Diện tích trồng mới	Ha	
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	10,00
	Năng suất	Tạ/ha	39,00
	Sản lượng	Tấn	39,00
2	Chôm chôm		
	Tổng diện tích	Ha	24,00
	Diện tích trồng mới	Ha	
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	24,00
	Năng suất	Tạ/ha	24,00
	Sản lượng	Tấn	57,60
3	Nhãn		
	Tổng diện tích	Ha	3,00
	Diện tích trồng mới	Ha	

	Diện tích cho sản phẩm	Ha	3,00
	Năng suất	Tạ/ha	27,50
	Sản lượng	Tấn	8,25
4	Măng cụt		
	Tổng diện tích	Ha	2,00
	Diện tích trồng mới	Ha	
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1,00
	Năng suất	Tạ/ha	18,00
	Sản lượng	Tấn	1,80
5	Mít		
	Tổng diện tích	Ha	10,00
	Diện tích trồng mới	Ha	0,00
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	10,00
	Năng suất	Tạ/ha	37,00
	Sản lượng	Tấn	37,00
6	Sầu riêng		
	Tổng diện tích	Ha	93,00
	Diện tích trồng mới	Ha	
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	87,00
	Năng suất	Tạ/ha	30,00
	Sản lượng	Tấn	261,00
7	Chuối		
	Tổng diện tích	Ha	14,00
	Diện tích trồng mới	Ha	
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	14,00
	Năng suất	Tạ/ha	80,00
	Sản lượng	Tấn	112,00
B	CHĂN NUÔI		
1	Đàn Trâu	Con	23,00
2	Đàn Bò	Con	400,00
3	Đàn Heo	Con	5.050,00
4	Đàn dê	Con	0,00
5	Đàn Gia cầm	1000con	43,50

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP NĂM 2015
THỊ XÃ PHƯỚC LONG

(Kèm theo Nghị quyết số *02* /2015/NQ-HĐND ngày *20* / *01* /2015 của HĐND thị xã)

Biểu số 2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2015
	Giá trị SXCN (Giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	5.763
	<i>Phân theo ngành kinh tế</i>	Tỷ đồng	
	Khu vực nhà nước	Tỷ đồng	404
	Khu vực ngoài nhà nước	Tỷ đồng	5.359
	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng	
I	Sản phẩm chủ yếu		
1	Đá xây dựng các loại	1.000 m ³	3.400
2	Hạt điều nhân	Tấn	52.000
3	Điện sản xuất	Tr.KWh	745
II	Sản phẩm khác (trừ sản phẩm do doanh nghiệp đầu tư nước ngoài sản xuất)	Tỷ đồng	120

KẾ HOẠCH DẠY NGHỀ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM NĂM 2015**THỊ XÃ PHƯỚC LONG**

(Kèm theo Nghị quyết số 02 /2015/NQ-HĐND ngày 20 / 01 /2015 của HĐND thị xã)

Biểu số 3

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
1	Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	Người	2.500	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Lao động nữ	Người	1.224	
	- Số lao động được giải quyết việc làm mới từ Quỹ cho vay giải quyết việc làm	Người	100	
2	Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động	Người	32.200	
3	Số lao động được đào tạo nghề hàng năm	Người	250	
4	Số lao động qua đào tạo	Người	9.499	
5	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	29,50	
6	Số hộ được vay vốn tạo việc làm	hộ	100,00	

KẾ HOẠCH DÂN SỐ NĂM 2015
THỊ XÃ PHƯỚC LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 02 /2015/NQ-HĐND ngày 20 / 01/2015 của HĐND thị xã)

Biểu số 4

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
1	Dân số đầu kỳ	Người	51.011	
2	Số sinh	Người	749	
3	Số chết	Người	151	
4	Tăng cơ học	Người	688	
5	Dân số cuối kỳ	Người	52.297	
6	Dân số trung bình	Người	51.654	
7	Tỷ suất sinh	%	14,50	
8	Tỷ suất chết	%	2,92	
9	Tỷ suất tăng tự nhiên	%	11,58	
10	Giảm tỷ suất sinh thô	%	0,70	
11	Tỷ lệ phát triển dân số	%	2,49	

**KẾ HOẠCH SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NĂM 2015
THỊ XÃ PHƯỚC LONG**

(Kèm theo Nghị quyết số QĐ /2015/NQ-HĐND ngày 20 / 01/2015 của HĐND thị xã)

Biểu số 5

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2015
I	Nhà trẻ		
	- Số cháu	Cháu	62
	- Số cô	Cô	8
II	Mẫu Giáo		
	- Số học sinh	Học sinh	2.761
	<i>Trong đó: học sinh dân tộc thiểu số</i>	Học sinh	52
	- Số lớp	Lớp	74
	- Số giáo viên	Giáo viên	170
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	88,0
III	Phổ thông		
1	Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	10.143
	- Tiểu học	Học sinh	6.353
	<i>trong đó: học sinh dân tộc thiểu số</i>	Học sinh	271
	- Trung học cơ sở	Học sinh	3.790
2	Tổng số lớp	Lớp	311
	- Tiểu học	Lớp	204
	- Trung học cơ sở	Lớp	107
3	Tổng số giáo viên	Giáo viên	624
	- Tiểu học	Giáo viên	373
	- Trung học cơ sở	Giáo viên	251
4	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi		
	- Tiểu học	%	91
	- Trung học cơ sở	%	90
5	Số xã, phường có trường tiểu học, nhà trẻ, mẫu giáo	xã	7
	Tỷ lệ % trên tổng số xã, phường	%	100
6	Số học sinh được phổ cập giáo dục	h/sinh	17
7	Số xã đạt phổ cập THCS	xã	7
	Tỷ lệ xã đạt phổ cập THCS	%	100

8	Số huyện đạt phổ cập THCS	huyện	
	Tỷ lệ huyện đạt phổ cập THCS	%	
9	Bổ túc văn hóa	h/sinh	
10	Xóa mù chữ	h/sinh	
11	Sau xóa mù chữ	h/sinh	

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH GIƯỜNG BỆNH NĂM 2015
THỊ XÃ PHƯỚC LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 02 /2015/NQ-HĐND ngày 20 / 01 /2015 của HĐND thị xã)

Biểu số 6

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
	Tổng số	245	
1	Giường bệnh viện	200	
2	Giường bệnh tại TTYT	0	
3	Giường Phòng khám khu vực	10	
4	Giường Trạm Y tế	35	

KẾ HOẠCH NGÀNH Y TẾ NĂM 2015
THỊ XÃ PHƯỚC LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 02 /2015/NQ-HĐND ngày 20 /01 /2015 của HĐND thị xã)

Biểu số 7

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2015	Ghi chú
1	Số giường bệnh/ 1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế)	Giường	41	
2	Số bác sỹ/ 1 vạn dân	Bác sỹ	7,3	
3	Tỷ lệ tử vong của người mẹ trong thời gian thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống	%	<0,125	
4	Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi	‰	1,25	
5	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi	‰	1,25	
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi).	%	6,82	
7	Tỷ lệ xã (phường) đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo tiêu chí mới).	%	100	
8	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ	%	>95	
9	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	62	
10	Tỷ lệ khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại	%	15%	
11	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng	%	<0,3%	

KẾ HOẠCH NGÀNH VĂN HÓA - THỂ THAO NĂM 2015
THỊ XÃ PHƯỚC LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 20/01/2015 của HĐND
thị xã)

Biểu số 8

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
1	Tỷ lệ khu dân cư văn hóa.	%	78	
2	Số khu dân cư văn hóa	Khu DC	33	
3	Tỷ lệ hộ gia đình đạt Gia đình văn hóa	%	95	
4	Tỷ lệ xã, phường có Trạm truyền thanh	%	100	
5	Tỷ lệ dân số thường xuyên tập thể dục	%	30	
6	Tỷ lệ số hộ đạt gia đình thể thao	%	35	